

Số: 1746/POS-HCNS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Vận hành và Xây lắp PTSC thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Quý 3 năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Vận hành và Xây lắp PTSC

- Mã chứng khoán: POS

- Địa chỉ: Cảng Hạ lưu PTSC, số 65A, đường 30/4, phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại liên hệ/Tel: 0254 – 3515758

Fax: 0254 – 3515759

- Email: duyenttn@ptsc.com.vn

Website: pos.ptsc.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC quý 3 năm 2025

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/10/2025 tại đường dẫn: <https://pos.ptsc.com.vn>.

Công ty Cổ phần Vận hành và Xây lắp PTSC xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HCNS.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC quý 3 năm 2025

Người được ủy quyền công bố thông tin



Tiến Đức Cường

Trưởng Phòng Hành chính Nhân sự

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2025	01/01/2025
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1,822,064,314,427	1,977,300,405,927
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		729,242,188,857	517,431,543,921
1. Tiền	111	V.01	659,242,188,857	377,431,543,921
2. Các khoản tương đương tiền	112		70,000,000,000	140,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	402,200,000,000	718,965,000,000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		402,200,000,000	718,965,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		622,362,320,379	695,086,665,158
1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	V.03	541,538,008,099	580,032,353,509
2. Trả trước cho người bán	132		46,874,159,802	18,228,980,420
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	64,366,848,475	123,460,070,677
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(30,416,695,997)	(26,634,739,448)
IV. Hàng tồn kho	140		43,071,964,056	44,475,159,221
1. Hàng tồn kho	141	V.05	49,088,930,047	50,492,125,212
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6,016,965,991)	(6,016,965,991)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		25,187,841,135	1,342,037,627
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09	4,781,268,618	1,342,037,627
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		19,930,621,450	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		475,951,067	

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán (Tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2025	01/01/2025
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		228,049,761,475	221,444,039,503
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5,000,000	2,005,000,000
5. Phải thu dài hạn khác	216		5,000,000	2,005,000,000
II. Tài sản cố định	220		141,810,212,009	152,819,991,561
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	139,638,539,143	151,781,387,724
<i>Nguyên giá</i>	222		1,092,391,775,695	1,067,085,483,678
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(952,753,236,552)	(915,304,095,954)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	2,171,672,866	1,038,603,837
<i>Nguyên giá</i>	228		21,809,923,000	20,146,273,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(19,638,250,134)	(19,107,669,163)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		34,017,189,090	1,812,500,000
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		34,017,189,090	1,812,500,000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		52,217,360,376	64,806,547,942
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	16,486,899,514	27,788,293,288
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	35,730,460,862	37,018,254,654
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2,050,114,075,902	2,198,744,445,430

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán (Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2025	01/01/2025
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1,204,371,305,304	1,400,590,988,709
I. Nợ ngắn hạn	310		1,091,648,139,504	1,214,619,966,437
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.08	459,788,590,828	554,710,741,889
2. Người mua trả tiền trước	312		20,248,882,326	28,068,890,733
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	12,961,382,470	41,915,797,452
4. Phải trả người lao động	314		47,056,526,501	72,561,814,726
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	511,627,565,937	282,658,099,680
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.10	3,555,155,387	155,495,794,858
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	12,458,150,969	64,517,164,999
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		15,935,021,003	6,977,918,017
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		8,016,864,083	7,713,744,083
II. Nợ dài hạn	330		112,723,165,800	185,971,022,272
10. Dự phòng phải trả dài hạn	342		112,509,165,800	185,683,522,272
11. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		214,000,000	287,500,000
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		845,742,770,598	798,153,456,721
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	845,742,770,598	798,153,456,721
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		400,000,000,000	400,000,000,000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		308,742,964,235	308,742,964,235
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		136,999,806,363	89,410,492,486
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		76,410,492,486	2,766,638,470
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		60,589,313,877	86,643,854,016
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		2,050,114,075,902	2,198,744,445,430

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 10 năm 2025

Người lập biểu

Đinh Thị Thủy

Kế toán trưởng

Hoàng Văn Duy

Giám đốc



Vũ Đình Cao Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ III
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

			Quý III		Đơn vị tính: VND	
CHỈ TIÊU			Từ 01/07/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/07/2024 đến 30/09/2024	Từ 01/01/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/09/2024
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	812,059,376,677	436,841,034,883	1,716,575,291,280	1,426,968,290,661
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-		
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		812,059,376,677	436,841,034,883	1,716,575,291,280	1,426,968,290,661
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2	788,713,235,758	410,065,800,969	1,654,488,430,162	1,351,993,893,822
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		23,346,140,919	26,775,233,914	62,086,861,118	74,974,396,839
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	16,237,808,393	5,982,179,179	40,248,980,591	33,604,101,268
7 Chi phí tài chính	22	VI.4	710,629,329	7,173,660,804	1,833,263,739	8,716,594,274
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23					
8 Chi phí bán hàng	24		19,518,489	460,858,254	2,607,008,908	844,906,039
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	9,106,033,362	7,040,132,338	24,713,982,786	21,074,062,696
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30= 20+(21-22) -(24+25)}	30		29,747,768,132	18,082,761,697	73,181,586,276	77,942,935,098



CHỈ TIÊU		Từ 01/07/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/07/2024 đến 30/09/2024	Từ 01/01/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/09/2024
11 Thu nhập khác	31	121,380,537	907,290,494	3,377,219,556	8,178,412,468
12 Chi phí khác	32	759,568,449	201,375,000	765,646,244	439,970,587
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40 VI.6	(638,187,912)	705,915,494	2,611,573,312	7,738,441,881
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	29,109,580,220	18,788,677,191	75,793,159,588	85,681,376,979
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51 VI.7	5,837,176,049	7,275,265,045	13,916,051,919	19,412,941,135
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(3,502,552,713)	1,287,793,792	(2,093,510,720)
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	23,272,404,171	15,015,964,859	60,589,313,877	68,361,946,564
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	486	251	1227	1337
19 Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	486	251	1227	1337

Người lập biểu

Đinh Thị Thủy

Kế toán trưởng

Hoàng Văn Duy

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 10 năm 2025
Giám đốc



Vũ Đình Cao Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ QUÝ III

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		Từ 01/01/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/09/2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	75,793,159,588	85,681,376,979
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	37,979,721,569	32,697,135,270
- Các khoản dự phòng	03	(60,435,296,937)	18,828,471,514
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(3,249,300,599)	1,569,577,365
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(23,999,126,646)	(22,097,492,668)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	26,089,156,975	116,679,068,460
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	42,964,188,111	40,243,098,349
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	1,403,195,165	5,930,941,047
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(98,664,517,547)	139,121,609,346
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	7,862,162,783	2,736,877,900
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(43,158,472,622)	(20,642,117,937)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(13,372,930,000)	(13,498,600,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(76,877,217,135)	270,570,877,165
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(67,410,334,279)	(82,789,739,026)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(604,700,000,000)	(494,380,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	921,465,000,000	446,380,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	34,732,407,853	23,423,954,369
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	284,087,073,574	(107,365,784,657)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/09/2024
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(197,950,000)	(58,450,000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(197,950,000)</i>	<i>(58,450,000)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	207,011,906,439	163,146,642,508
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	517,431,543,921	272,005,551,650
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	4,798,738,497	(293,264,267)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	<u>729,242,188,857</u>	<u>434,858,929,891</u>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 10 năm 2025

Người lập biểu



Đinh Thị Thủy

Kế toán trưởng



Hoàng Văn Duy

Giám đốc



Vũ Đình Cao Sơn

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN HÀNH VÀ XÂY LẮP PTSC

Địa chỉ: Cảng Hạ lưu PTSC, 65A Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Vận hành và Xây lắp PTSC trước đây là Công ty TNHH MTV DV Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình dầu khí biển PTSC là công ty TNHH được thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4904000173 ngày 05/10/2007 và giấy chứng nhận điều chỉnh số 3500818790 ngày 05/07/2010, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Theo Quyết Định số 352/QĐ- ĐKKT- HĐQT ngày 17 tháng 12 năm 2010 của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “ PTSC”), chủ sở hữu của Công ty, về việc “ Tăng vốn điều lệ và chuyển đổi Công ty TNHH MTV Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình dầu khí biển – PTSC thành Công ty Cổ phần”. Theo đó, Công ty sẽ được chuyển đổi sang hình thức Công ty Cổ phần với vốn điều lệ là 400 tỷ VND, tương ứng với 40.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/Cổ phần, trong đó Tổng Công ty góp 84.95 % vốn điều lệ. Thời hạn chuyển đổi là 30 ngày kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo loại hình doanh nghiệp là công ty cổ phần. Công ty đã đăng ký việc chuyển đổi với Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi số 3500818790 ngày 27/12/2010. Theo đó, Công ty quyết định thời hạn chính thức hoạt động của công ty cổ phần và cũng là thời điểm chuyển giao tất cả quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty trước đây sang Công ty Cổ phần là từ ngày 01 tháng 01 năm 2011.

Tổng số nhân viên của Công ty tại thời điểm 30/09/2025 là 717 người (tại ngày 31/12/2024 là 643 người)

Lĩnh vực kinh doanh:

Cung cấp dịch vụ kỹ thuật dầu khí.

Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối chạy thử các công trình dầu khí; Dịch vụ đi dờn thu gom mô sau khi kết thúc các chu kỳ khai thác ngoài biển; Dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình dầu khí; Dịch vụ cung ứng nhân lực cho các công tác lắp đặt và đấu nối chạy thử, hỗ trợ vận hành và bảo dưỡng; Dịch vụ kho ngoại quan phục vụ công tác vận hành, bảo dưỡng lắp đặt và đấu nối chạy thử; Dịch vụ sửa chữa máy móc thiết bị; Dịch vụ đo lường, điều khiển cho các công trình dầu khí, các ngành công nghiệp khác và dân dụng, mua bán phụ tùng; Kinh doanh, lắp đặt, bảo trì sửa chữa trang thiết bị phòng cháy, hệ thống báo cháy, cứu hỏa phục vụ công nghiệp dầu khí, các ngành công nghiệp khác và dân dụng; Quản lý vận hành, khai thác và kinh doanh các dịch vụ cung cấp Sà lan nhà ở và các phương tiện nổi.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN HÀNH VÀ XÂY LẬP PTSC

Địa chỉ: Cảng Hạ lưu PTSC, 65A Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý III cho năm tài chính 2025 (tiếp theo)

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt giai đoạn. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Công ty áp dụng Phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và khi giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Trường hợp tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại thì nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại phải được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 7
Phương tiện vận tải	6 - 7
Thiết bị quản lý	3 - 5

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN HÀNH VÀ XÂY LẬP PTSC

Địa chỉ: Cảng Hạ lưu PTSC, 65A Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý III cho năm tài chính 2025 (tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí cả dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Ngoại tệ

Công ty hạch toán chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của TT200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 21 tháng 12 năm 2014. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Tại tất cả các thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ theo nguyên tắc như sau:

- Số dư các tài sản bằng tiền mặt có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ được chuyển đổi theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi công ty thường xuyên có giao dịch công bố tại ngày này.
- Số dư các tài sản bằng tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ được chuyển đổi theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ công bố tại ngày này; hoặc Công ty có thể lựa chọn tỷ giá mua của một trong số các ngân hàng nơi công ty mở tài khoản ngoại tệ làm căn cứ đánh giá lại (trường hợp tỷ giá mua của các ngân hàng không có chênh lệch đáng kể).
- Số dư công nợ phải thu có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ được chuyển đổi theo tỷ giá mua ngoại tệ nơi công ty thường xuyên có giao dịch công bố tại ngày này.
- Số dư công nợ phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ được chuyển đổi theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi công ty thường xuyên có giao dịch công bố tại ngày này.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - (b) Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo; và
 - (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành việc cung cấp dịch vụ đó.
- Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN HÀNH VÀ XÂY LẬP PTSC

Địa chỉ: Cảng Hạ lưu PTSC, 65A Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý III cho năm tài chính 2025 (tiếp theo)

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

II. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền (mã V.01)

	30/09/2025	31/12/2024
	VND	VND
Tiền mặt	140.126.140	154.963.045
Tiền gửi ngân hàng (*)	659.102.062.717	377.276.580.876
Các khoản tương đương tiền		
(tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng) (**)	70.000.000.000	140.000.000.000
Cộng	729.242.188.857	517.431.543.921

(*): Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng bao gồm số ngoại tệ: 13.685.018,83 Đô la Mỹ và 64,14 Euro và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 11.884.901,77 Đô la Mỹ và 73,06 Euro.

(**): Các khoản tương đương tiền thể hiện giá trị của các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất được hưởng tại ngày 30 tháng 09 năm 2025 từ 4,2%/năm đến 4,75%/năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 4,3%/năm đến 4,75%/năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN HÀNH VÀ XÂY LẬP PTSC

Địa chỉ: Cảng Hạ lưu PTSC, 65A Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý III cho năm tài chính 2025 (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (mã V.02)

	<u>30/09/2025</u>	<u>31/12/2024</u>
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	402.200.000.000	718.965.000.000
Cộng	402.200.000.000	718.965.000.000

(*) Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025, số dư này bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn đáo hạn ban đầu trên 3 tháng đến 12 tháng và hưởng lãi suất từ 2,9%/năm đến 5,6%/năm, tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 3,4%/năm đến 5,1%/năm.

(*) Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn trị giá 86.200.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 88.565.000.000 đồng) được Công ty sử dụng làm tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ bảo lãnh với các đối tác theo các hợp đồng kinh tế đã ký kết.

(*) Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn không quá 12 tháng tại Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại ("MBV") - trước ngày 18 tháng 12 năm 2024 là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương ("Oceanbank") là 26.000.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 25.400.000.000 đồng) đang hạn chế giao dịch. Ngày 17 tháng 10 năm 2024, Oceanbank được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho Ngân hàng TMCP Quân đội ("MBBank") và sau đó được đổi tên thành MBV. Ngày 07 tháng 03 năm 2025, Ngân hàng MBV đã có công văn thông báo việc chi trả hợp đồng tiền gửi cho Công ty sẽ được tuân thủ theo Phương án chuyển giao bắt buộc của Chính phủ trong đề án tái cơ cấu MBV. Ban Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và MBV.

3. Phải thu khách hàng (mã V.03)

	<u>30/09/2025</u>	<u>31/12/2024</u>
	VND	VND
Khách hàng trong nước nợ phải thu VND	375.839.416.121	475.638.439.456
Khách hàng gốc nợ phải thu bằng USD	165.698.591.978	104.393.914.053
Cộng	541.538.008.099	580.032.353.509

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác (mã V.04)

	<u>30/09/2025</u>	<u>31/12/2024</u>
	VND	VND
Doanh thu trích trước	28.435.852.148	97.101.102.766
Phải thu nội bộ từ Tổng Công ty	22.146.475.306	6.185.282.563
Phần lãi tiền gửi dự thu	4.746.005.753	15.479.286.960
Cầm cố, ký quỹ, ký cược	5.342.937.500	3.415.267.500
Tạm ứng	3.695.577.768	1.130.404.292
Phải thu khác	-	148.726.596
Cộng	64.366.848.475	123.460.070.677

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐẦU KHÍ VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN HÀNH VÀ XÂY LẮP PTSC**

Địa chỉ: Cảng Hạ lưu PTSC, 65A Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý III cho năm tài chính 2025 (tiếp theo)****5. Hàng tồn kho (mã V.05)**

	<u>30/09/2025</u>	<u>31/12/2024</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	12.667.729.986	7.774.695.539
Công cụ, dụng cụ	22.668.492.575	13.804.257.350
Chi phí SX, KD dở dang	13.752.707.486	28.913.172.323
Cộng	49.088.930.047	50.492.125.212

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (mã V.06)

Khoản mục	Nhà cửa (VND)	Máy móc thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải truyền đẫn (VND)	Thiết bị dụng cụ quản lý (VND)	TSCĐ hữu hình khác (VND)	Tổng cộng (VND)
Nguyên giá						
Số dư đầu năm (quý)	49.559.832.756	268.365.856.135	659.863.561.907	25.490.876.390	63.805.356.490	1.067.085.483.678
- Mua trong năm	-	19.292.427.592	4.657.603.181	1.133.980.000	222.281.244	25.306.292.017
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BDS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm (quý)	49.559.832.756	287.658.283.727	664.521.165.088	26.624.856.390	64.027.637.734	1.092.391.775.695
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm (quý)	43.114.852.904	171.634.123.127	654.668.019.515	22.628.130.934	23.258.969.474	915.304.095.954
- Khấu hao trong năm	440.397.879	22.386.097.390	1.435.221.320	1.182.536.392	12.004.887.617	37.449.140.598
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BDS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm (quý)	43.555.250.783	194.020.220.517	656.103.240.835	23.810.667.326	35.263.857.091	952.753.236.552
Giá trị còn lại						
- Tại ngày đầu năm (quý)	6.444.979.852	96.731.733.008	5.195.542.392	2.862.745.456	40.546.387.016	151.781.387.724
- Tại ngày cuối năm (quý)	6.004.581.973	93.638.063.210	8.417.924.253	2.814.189.064	28.763.780.643	139.638.539.143

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN HÀNH VÀ XÂY LẮP PTSC

Địa chỉ: Cảng Hạ lưu PTSC, 65A Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý III cho năm tài chính 2025 (tiếp theo)

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình (mã V.07)

Khoản mục	Quyền sử dụng đất (VND)	Bản quyền bằng sáng chế (VND)	Nhãn hiệu hàng hoá (VND)	Phần mềm máy vi tính (VND)	TSCĐ vô hình khác (VND)	Tổng cộng (VND)
Nguyên giá						
Số dư đầu năm (quý)	-	-	-	20.146.273.000	-	20.146.273.000
- Mua trong năm	-	-	-	1.663.650.000	-	1.663.650.000
Số dư cuối năm (quý)	-	-	-	21.809.923.000	-	21.809.923.000
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm (quý)	-	-	-	19.107.669.163	-	19.107.669.163
- Khấu hao trong năm	-	-	-	530.580.971	-	530.580.971
Số dư cuối năm (quý)	-	-	-	19.638.250.134	-	19.638.250.134
Giá trị còn lại						
- Tại ngày đầu năm (quý)	-	-	-	1.038.603.837	-	1.038.603.837
- Tại ngày cuối năm (quý)	-	-	-	2.171.672.866	-	2.171.672.866

8. Phải trả người bán (mã V.08)

	30/09/2025	31/12/2024
	VND	VND
Khách hàng phải trả bằng VND	324.407.325.139	413.302.396.657
Khách hàng gốc nợ phải trả bằng USD	135.381.265.689	141.408.345.232
Cộng	459.788.590.828	554.710.741.889

9. Chi phí trả trước (mã V.09)

	30/09/2025	31/12/2024
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	4.237.850.928	1.342.037.627
Chi phí sử dụng nhãn hiệu	543.417.690	-
	4.781.268.618	1.342.037.627
b. Dài hạn		
Chi phí xây dựng, sửa chữa bảo dưỡng nhà xưởng tạm POS2	7.306.188.069	17.627.628.358
Công cụ dụng cụ, thiết bị xuất dùng	9.167.787.244	10.001.301.069
Phụ tùng thay thế dài hạn	-	131.398.565
Khác	12.924.201	27.965.296
	16.486.899.514	27.788.293.288

10. Doanh thu chưa thực hiện (mã V.10)

Số dư thể hiện khoản tiền công ty đã được thanh toán từ khách hàng tương ứng với phần dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, tháo dỡ công trình biển chưa thực hiện.

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (mã V.11)

Chi tiêu	Đư đầu năm VND	Luỹ kế từ đầu năm		Còn phải nộp VND
		Phải nộp VND	Đã nộp VND	
I- Thuế	41.915.797.452	97.972.510.780	127.402.876.829	12.485.431.403
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.147.988.242	24.208.364.812	27.832.304.121	(475.951.067)
2. Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	-	-
3. Thuế xuất nhập khẩu	-	1.551.382.918	1.551.382.918	-
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.079.596.752	13.916.051.919	43.158.472.622	5.837.176.049
5. Thuế tài nguyên	-	-	-	-
6. Tiền thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
7. Các loại thuế khác	3.688.212.458	58.293.711.131	54.857.717.168	7.124.206.421
- Thuế thu nhập cá nhân	3.616.149.176	50.813.805.512	47.305.748.267	7.124.206.421
- Thuế nhà thầu phụ	72.063.282	7.479.905.619	7.551.968.901	-
+ Thuế TNDN nhà thầu phụ	24.021.094	2.520.956.439	2.544.977.533	-
+ Thuế GTGT nhà thầu phụ	48.042.188	4.958.949.180	5.006.991.368	-
- Thuế khác (môn bài nhà thầu)	-	-	-	-
II - Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
1. Các khoản phụ thu	-	-	-	-
2. Các khoản phí, lệ phí	-	-	-	-
3. Các khoản khác	-	-	-	-
Cộng	41.915.797.452	97.972.510.780	127.402.876.829	12.485.431.403

12. Chi phí phải trả ngắn hạn (mã V.12)

	30/09/2025 VND	31/12/2024 VND
Trích trước chi phí DA LDV PL	316.280.705.393	102.695.784.736
Trích trước chi phí DA Benchamas	65.123.613.245	62.612.550.023
Trích trước chi phí DA Ruya Browfiend	63.100.649.500	-
Trích chi phí DVchế tạo hệ thống neo Turret cho KH PTSC AP	29.240.451.562	-
Trích trước giảm phí bảo hiểm thân và máy tàu do Sà lan POS1 và PTSC01 nằm bờ	18.067.734.175	(298.169.232)
Trích trước chi phí Dịch vụ cung cấp cho POVO	10.898.544.933	-
Trích trước chi phí DA nhà máy hóa dầu Long Sơn	3.212.867.206	-
Trích trước chi phí DV cung cấp dịch vụ cho KH Idemitsu	1.880.000.000	-
Trích trước CP DV cung cấp cho job O&M Long Sơn	1.602.291.799	2.071.834.333
Trích trước chi phí hành chính	1.235.366.120	2.974.772.620
Trích trước chi phí dự án cho thuê sà lan POS1 tại Malaysia	634.669.976	1.249.924.156
Trích chi phí dự án ĐẠI HÙNG 03	204.275.528	5.530.280.350
Trích trước chi phí dự án Block B - PTSC MC	146.396.500	-
Trích trước chi phí kiểm toán cho năm 2024	-	230.000.000
Trích chi phí dự án HUC Gallaf 3 Phase A2	-	5.340.757.794
Trích trước chi phí DA HUC Gallaf 3- Phase B2	-	98.742.809.761
Trích trước CP Dự án tháo tách FPSO MV19	-	309.100.000
Trích trước chi phí DA SVDN PL	-	1.198.455.139
Cộng	511.627.565.937	282.658.099.680

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN HÀNH VÀ XÂY LẮP PTSC

Địa chỉ: Cảng Hạ lưu PTSC, 65A Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý III cho năm tài chính 2025 (tiếp theo)

13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác (mã V.13)

	30/09/2025	31/12/2024
	VND	VND
Kinh phí công đoàn BHXH+BHTN+BHYT	10.034.318.589	2.030.993.144
Cổ tức phải trả	1.415.152.500	1.613.102.500
Đang phí	149.110.000	419.261.000
Thuế TNCN phải nộp	342.188.259	8.467.144.429
Phải trả cho người lao động công tác phí	325.634.542	1.379.323.498
Khác	191.747.079	1.018.142.968
Phải trả lương thưởng CBCNV chưa chi	-	49.589.197.460
Cộng	12.458.150.969	64.517.164.999

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả (mã V.14)

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác	Doanh thu chưa thực hiện	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2024	11.422.290.685	418.375.000	-	11.840.665.685
Ghi nhận lợi nhuận trong kỳ	25.177.588.969	-	-	25.177.588.969
Tại ngày 31/12/2024	36.599.879.654	418.375.000	-	37.018.254.654
Ghi nhận lợi nhuận trong kỳ	(1.287.793.792)	-	-	(1.287.793.792)
Tại ngày 30/09/2025	35.312.085.862	418.375.000	-	35.730.460.862

15. Vốn chủ sở hữu (mã V.15)

Thay đổi vốn chủ sở hữu trong giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/09/2025

	Vốn điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2025	400.000.000.000	308.742.964.235	89.410.492.486	798.153.456.721
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	60.589.313.877	60.589.313.877
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(13.000.000.000)	(13.000.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-
Vốn góp trong kỳ	-	-	-	-
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-
Tại ngày 30/09/2025	400.000.000.000	308.742.964.235	136.999.806.363	845.742.770.598

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐẦU KHÍ VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN HÀNH VÀ XÂY LẬP PTSC**

Địa chỉ: Cảng Hạ lưu PTSC, 65A Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý III cho năm tài chính 2025 (tiếp theo)****III. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (mã VI.1)**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	2025	2024
	VND	VND
DV vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, tháo dỡ CT biển, bờ - tự thực hiện	1.413.121.965.097	1.084.428.588.568
Dịch vụ lao động theo chính sách nhà thầu	161.171.441.087	183.026.754.096
Dịch vụ cơ khí sửa chữa, bảo dưỡng - tự thực hiện	114.444.204.816	84.732.998.174
Dịch vụ quản lý cơ khí sửa chữa, bảo dưỡng - thuê nhà thầu	17.597.081.259	14.827.036.338
Dịch vụ cung ứng lao động	2.680.862.000	3.563.053.000
DV vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, tháo dỡ CT biển, bờ - thuê nhà thầu	7.559.737.021	56.389.860.485
Cộng	1.716.575.291.280	1.426.968.290.661

2. Giá vốn hàng bán (mã VI.2)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	2025	2024
	VND	VND
DV vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, tháo dỡ CT biển, bờ -tự thực hiện	1.361.965.086.895	1.032.156.482.235
Dịch vụ lao động theo chính sách nhà thầu	154.181.198.286	166.334.977.340
Dịch vụ cơ khí sửa chữa, bảo dưỡng – tự thực hiện	112.125.631.051	56.366.897.241
Dịch vụ quản lý sửa chữa, bảo dưỡng - thuê nhà thầu	16.873.921.436	14.391.564.399
DV vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, tháo dỡ CT biển, bờ-thuê nhà thầu	6.980.499.317	79.489.984.946
Dịch vụ cung ứng lao động	2.362.093.177	3.253.987.661
Cộng	1.654.488.430.162	1.351.993.893.822

3. Doanh thu hoạt động tài chính (mã VI.3)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	2025	2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	23.999.126.646	22.097.492.668
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	13.000.553.346	11.506.608.600
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.249.300.599	-
Cộng	40.248.980.591	33.604.101.268

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN HÀNH VÀ XÂY LẮP PTSC

Địa chỉ: Cảng Hạ lưu PTSC, 65A Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý III cho năm tài chính 2025 (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính (mã VI.4)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	2025	2024
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.833.263.739	7.147.016.909
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.569.577.365
Cộng	1.833.263.739	8.716.594.274

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp (mã VI.5)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	2025	2024
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.691.564.627	9.213.337.856
Chi phí nhân viên	2.231.369.300	8.652.675.826
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	834.103.969	705.171.139
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.171.988.341	1.025.617.618
Chi phí khác	3.000.000	135.423.524
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	3.781.956.549	1.341.836.733
Cộng	24.713.982.786	21.074.062.696

6. Lợi nhuận khác (mã VI.6)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	2025	2024
	VND	VND
Thu nhập khác:		
Các khoản được thưởng, bồi thường	468.730.543	502.212.500
Các khoản thu nhập khác	2.908.489.013	7.676.199.968
Cộng	3.377.219.556	8.178.412.468
Chi phí khác:		
Các khoản bị phạt, bồi thường	759.568.449	439.970.587
Các khoản chi phí khác	6.077.795	-
Cộng	765.646.244	439.970.587
Tổng cộng	2.611.573.312	7.738.441.881

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (mã VI.7)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	2025	2024
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	75.793.159.588	85.681.376.979
Thu nhập chịu thuế	69.580.259.595	97.064.705.675
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	13.916.051.919	19.412.941.135
Cộng	13.916.051.919	19.412.941.135

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN HÀNH VÀ XÂY LẮP PTSC

Địa chỉ: Cảng Hạ lưu PTSC, 65A Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý III cho năm tài chính 2025 (tiếp theo)

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	2025	2024
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.048.985.060.775	877.001.972.227
Chi phí nhân công	350.710.637.514	344.466.720.933
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	219.687.480.149	115.162.861.988
Chi phí khấu hao tài sản cố định	37.979.721.569	32.697.135.270
Chi phí dự phòng/(hoàn nhập dự phòng)	19.509.797.364	1.341.836.733
Chi phí bằng tiền khác	4.936.724.485	3.242.335.406
Cộng	1.681.809.421.856	1.373.912.862.557

Ghi chú : Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố được lấy từ chi phí giá vốn, chi phí quản lý và chi phí bán hàng

IV. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm số tiền: 16.530.025.083 đồng (kỳ trước: 8.230.278.233 đồng), do số tiền chưa thanh toán cho nhà cung cấp. Vì vậy, các khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền thu lãi tiền gửi trong kỳ không bao gồm 4.746.005.753 đồng (kỳ trước: 13.449.669.053 đồng) là thu nhập từ lãi tiền gửi phát sinh trong năm mà chưa được nhận. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

V. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	2025	2024
	VND	VND
Doanh thu		
Công ty Liên doanh PTSC AP	245.454.533.909	-
Cơ quan Tổng công ty	85.983.574.160	134.475.509.468
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	13.751.035.164	20.599.129.551
Chi nhánh TCT - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	(68.880.000)	2.934.675.325
Chi nhánh TCT - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí	20.967.570	1.722.775.736
Cộng	345.141.230.803	159.732.090.080

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN HÀNH VÀ XÂY LẬP PTSC

Địa chỉ: Cảng Hạ lưu PTSC, 65A Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý III cho năm tài chính 2025 (tiếp theo)

1. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	2025	2024
	VND	VND
Mua hàng		
Công ty TNHH Khách Sạn Dầu Khí PTSC	11.832.710.797	7.321.858.040
Chi nhánh PTSC - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	15.085.432.267	12.412.163.526
Chi nhánh PTSC - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí	1.453.973.100	15.385.715.136
Công ty Cổ Phần Chế Tạo Giàn Khoan Dầu Khí	635.876.400	2.742.905.208
Chi nhánh Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm		
PTSC - Tổng Công ty PTSC	652.002.500	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	-	80.220.000
Cộng	29.659.995.064	37.942.861.910
Số dư với các bên liên quan:		
	30/09/2025	31/12/2024
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Cơ quan Tổng công ty	51.000.432.748	97.617.298.711
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	19.411.743.062	27.492.389.946
Chi nhánh TCT - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	5.509.969.121	11.562.191.849
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	3.184.799.191	3.184.799.191
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp		
PTSC Thanh Hóa	3.170.512.206	2.683.374.923
Chi nhánh TCT - Ban QLDA Nhiệt điện Long Phú	467.197.119	467.197.119
Chi nhánh TCT - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí	22.644.976	-
Cộng	82.767.298.423	143.007.251.739
Các khoản phải thu khác		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	8.936.832.374	-
Cơ quan Tổng công ty	7.511.497.652	-
Công ty Cổ phần chế tạo Giàn khoan Dầu khí	5.698.145.280	5.698.145.280
Chi nhánh TCT - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	-	487.137.283
Cộng	22.146.475.306	6.185.282.563
Người mua trả tiền trước		
Chi nhánh TCT - Ban QLDA Nhiệt điện Long Phú	11.096.429.662	11.096.429.662
Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật DK VN (PTSC)	-	12.333.903.307
Cộng	11.096.429.662	23.430.332.969
Phải trả người bán ngắn hạn		
Chi nhánh TCT - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	12.657.114.670	8.389.199.094
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khách sạn Dầu khí		
PTSC	1.526.288.894	1.130.510.422
Công ty Cổ phần chế tạo Giàn khoan Dầu khí	5.144.169.003	4.457.012.643
Chi nhánh TCT - Ban QLDA Nhiệt điện Long Phú	2.161.376.607	2.161.376.607
Chi nhánh TCT - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	43.085.000	43.085.000
Chi nhánh Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm		
PTSC - Tổng Công ty PTSC	-	17.798.437.260
Cộng	21.532.034.174	33.979.621.026

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN HÀNH VÀ XÂY LẮP PTSC

Địa chỉ: Cảng Hạ lưu PTSC, 65A Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý III cho năm tài chính 2025 (tiếp theo)

1. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	2025	2024
	VND	VND
Lương, thưởng các khoản phúc lợi khác	6.655.846.950	5.060.320.000

VI. Vấn đề khác.

Công ty đang có tranh chấp với công ty MISC Offshore Floating Terminals (L) Limited ("MOFT") phát sinh từ việc thực hiện Hợp đồng số C-MOFT-OBUSSE-CTM-2024-0002 liên quan đến dự án FSO Benchamas/FPSO BUK. Cụ thể, MOFT đã đơn phương chấm dứt sớm hợp đồng này vào ngày 31 tháng 7 năm 2024 nhưng không thanh toán cho Công ty các phần công việc đã hoàn thành cũng như các chi phí phát sinh do việc đơn phương chấm dứt hợp đồng. Trong năm 2025, Công ty đã khởi kiện MOFT tại Tòa án Tối cao Singapore để yêu cầu chi trả một số phần công việc đã thực hiện nhưng chưa được nghiệm thu khi chấm dứt sớm hợp đồng.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, hai bên vẫn đang trong quá trình làm việc với Tòa án để làm rõ các nghĩa vụ (nếu có) của hai bên.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN HÀNH VÀ XÂY LẬP PTSC

Địa chỉ: Cảng Hạ lưu PTSC, 65A Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý III cho năm tài chính 2025 (tiếp theo)

VII. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2025	Năm 2024
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	88,88%	88,44%
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	11,12%	11,56%
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	58,75%	53,28%
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	41,25%	46,72%
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,67	1,80
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,63	1,76
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	4,42%	6,00%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	3,53%	4,79%
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	3,70%	4,88%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	7,16%	8,34%

TP HCM, ngày 17 tháng 10 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Đinh Thị Thủy

Hoàng Văn Duy



Vũ Đình Cao Sơn